

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản:

1.1 Nông nghiệp:

a. Trồng trọt:

+ **Gieo trồng vụ Đông Xuân 2018-2019**, tính đến ngày 15/11/2018 được 5.329 ha tăng 35,93% (+1.408,6ha) so cùng kỳ, diện tích tăng chủ yếu từ cây mì, đến nay đã trồng được 3.168 ha, tăng 159,87% so cùng kỳ (tương ứng +1.786ha), mặc dù dịch bệnh khảm lá chưa được ngăn chặn, ảnh hưởng nhiều đến năng suất, nhưng do giá củ mì vẫn cao so cùng kỳ và tình hình thời tiết trong tháng thuận lợi nên người dân tích cực xuống giống.

Đối với cây mía, diện tích trồng mới giảm mạnh so cùng kỳ, đến nay được 92 ha giảm 73,82% (-162ha), chủ yếu do giá mía giảm, hiệu quả trồng mía không cao người dân thu hoạch không đầu tư trồng trở lại, diện tích giảm tập trung chủ yếu tại huyện Tân Châu.

Đối với nhóm cây trồng cho thu hoạch trong vụ, tiến độ gieo trồng khá chậm, đến nay mới đạt 2.069,4 ha, giảm 15,45% so cùng kỳ, trong đó cây lúa mới gieo trồng 414 ha, giảm 51,64% (-475 ha) so cùng kỳ, giảm nhiều nhất ở huyện Tân Biên (-459ha), do người dân chuyển đổi cây trồng và cũng có một số diện tích còn ngập nước người dân chưa xuống giống được; cây bắp 164 ha giảm 15,49%; cây đậu phộng 196 ha cũng giảm 14,06% so cùng kỳ; Riêng diện tích rau, đậu hoa cây cảnh các loại xuống giống đạt 1.182 ha tăng 13,12% so với cùng kỳ. Thời gian gần đây, các nhóm cây này phát triển tốt nhờ được giá, lợi nhuận cao, người dân đang tranh thủ xuống giống sớm hơn so với cùng kỳ.

+**Thu hoạch vụ Mùa**, đối với nhóm cây trồng và cho thu hoạch trong vụ tính đến nay mới thu hoạch được 12.216 ha, chỉ bằng 72,64% so với cùng kỳ. Trong đó cây lúa thu hoạch được 6.499 ha, bằng 7,87% diện tích gieo trồng, giảm 41,33% so cùng kỳ; cây bắp thu hoạch đạt 355 ha đạt 40,62% diện tích gieo trồng giảm 37,01%; cây đậu phộng thu hoạch 234,3 ha bằng 44,65% diện tích gieo trồng, so cùng kỳ chỉ bằng 87,79%, chủ yếu do diện tích đậu phộng vụ mùa năm nay giảm mạnh so với năm trước; Riêng cây rau, đậu, hoa cây cảnh thu hoạch được 4.746 ha, tăng 7,17% so cùng kỳ.

Đối với thu hoạch cây trồng từ các vụ trước (mía, mì), đến nay đã thu hoạch được 27.509,6 ha, bằng 76,15% so cùng kỳ, trong đó cây mì đạt 26.194,5 ha, giảm 21,76%, diện tích thu hoạch mì giảm chủ yếu do cây mì vẫn còn trong đợt dịch bệnh khảm kéo dài từ giữa năm 2017 đến nay, nên diện tích trồng mì giảm nên diện tích thu hoạch cũng giảm; Cây mía thu hoạch đạt 1.329,9 ha, giảm 49,72% so cùng kỳ năm trước, do giá mía thu hoạch năm nay giảm mạnh, một số hộ chờ giá nên tiến độ thu hoạch chậm, mặt khác diện tích gieo trồng mía vụ trước để thu hoạch vụ này cũng giảm.

+**Tình hình sâu bệnh:** trong tháng này, tình hình sâu bệnh trên các loại cây trồng ở mức nhiễm nhẹ, phát sinh giảm so với tháng trước và cùng kỳ năm trước. Tình hình bệnh khảm trên cây mì, trong tháng phát sinh 294 ha nhiễm mới, lũy kế đến nay toàn tỉnh đã có 35.268 ha nhiễm xuất hiện hầu hết các huyện trong tỉnh trong đó diện tích nhiễm nhiều tập trung tại các huyện Tân Biên và Tân Châu.... trong đó riêng diện tích mì bị lây nhiễm nặng vụ Đông Xuân 2017-2018 phải tiêu huỷ là 143,2 ha.

b. Chăn nuôi:

Kết quả điều tra chăn nuôi thời điểm 1/10 tổng đàn gia súc, gia cầm hiện có 6.266.097 con, tăng 1,17% (+72.704 con) so cùng kỳ, trong đó đàn trâu 13.558 con giảm 5,32%, đàn bò 94.264 con giảm 1,2% , riêng bò sữa 11.646 con tăng 1.214 con (+11,64%), đàn lợn 177.194 con tăng 3,12% (+5.366 con), do tình hình giá lợn hơi giảm mạnh những tháng đầu năm 2018 và tăng mạnh trở lại những tháng cuối năm nên làm cho tổng đàn tăng nhẹ so với cùng kỳ năm trước, tăng chủ yếu ở hình thức nuôi trại lớn tập trung và những công ty nuôi gia công, còn hình thức nuôi nhỏ lẻ và gia trại thì người dân không tái đàn dù giá có tăng, ngoài ra do vấn đề ô nhiễm môi trường nên người dân không có ý định nuôi trở lại.

Chăn nuôi gia cầm, cả tỉnh đạt 5,9 triệu con, tăng 1,18% (+69.799 con) so cùng kỳ. Trong đó, đàn gà 5,235 triệu con, tăng 2,19% so cùng kỳ, do nhu cầu tiêu dùng người dân ngày càng tăng, các hộ nuôi trong dân cư đã tái đàn trở lại. Trên địa bàn tỉnh trong kỳ tăng 03 trang trại, hiện có 35 trang trại, ngoài ra do những trang trại cũ tái đàn và mở rộng quy mô nên làm tăng tổng đàn gà.

Kết quả sơ bộ điều tra chăn nuôi 1/10/2018

	Đơn vị tính	Chính thức 1.10.2017	KQ Sơ bộ 1.10.2018	So sánh cùng kỳ (%)
I. Gia súc				
1. Trâu	con	14.320	13.558	94,68
2. Bò	con	95.413	94.264	98,80
Trong đó: Bò sữa	con	10.432	11.646	111,64
3. Lợn	con	171.828	177.194	103,12
II. Gia cầm				
	1000 con	5.903,841	5.973,640	101,18
Trong đó: Gà	1000 con	5.123,104	5.235,310	102,19

1.2 Lâm nghiệp:

Về công tác trồng rừng: Trong tháng, các dự án đã trồng được 20,70 ha rừng tập trung, lũy kế từ đầu năm đến nay đã trồng 113,3 ha tăng 6,79% so cùng kỳ năm trước... Công tác bảo vệ rừng và khoanh nuôi tái sinh tự nhiên: Diện tích rừng được đầu tư bảo vệ toàn tỉnh là 57.753 ha, toàn bộ diện tích rừng này đều được giao khoán các tổ chức, nhóm hộ, hộ gia đình bảo vệ, phòng chống cháy. Trong đó Ban quản lý Vườn quốc gia Lò Gò – Xa Mát và 03 dự án cơ sở là 52.015 ha, các huyện và ngoài dự án là 5.738 ha. Công tác khoanh nuôi tái sinh toàn tỉnh là 1.347 ha.

Công tác quản lý bảo vệ rừng, quản lý lâm sản, phòng cháy chữa cháy rừng: Các dự án và ngành chức năng tăng cường công tác tuần tra, kiểm tra bảo vệ rừng, phòng chống cháy, chống chặt phá rừng và khai thác lâm sản trái phép. Trong tháng, ngành kiểm lâm đã phát hiện lập biên bản vi phạm hành chính 12 vụ vi phạm Luật Bảo vệ và Phát triển rừng, giảm 03 vụ so tháng trước. Trong đó có 04 vụ khai thác gỗ và lâm sản trái phép, 02 vụ vận chuyển lâm sản trái phép, 01 cất giữ lâm sản, tạm giữ 1,949 m³ gỗ các loại, 02 vụ lấn chiếm rừng, 02 vụ vi phạm thủ tục hành chính trong quản lý rừng sử dụng rừng và 01 vụ vi phạm quy định chung của Nhà nước về bảo vệ rừng.

1.3 Thủy sản:

Tình hình nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh vẫn được duy trì so với cùng kỳ về diện tích, nhưng phương thức nuôi trồng có sự thay đổi. Hiện nay đã bước vào vụ nuôi chính nên diện tích nuôi thả tăng nhẹ, với diện tích nuôi trồng thủy sản trong tháng ước thực hiện 8,2 ha, lũy kế từ đầu năm đạt 770 ha, giảm 1,41% so với cùng kỳ, trong đó diện tích nuôi cá ước đạt 748 ha, so cùng kỳ giảm 1,84%, diện tích nuôi thủy sản khác đạt 17 ha giảm 6% so với cùng kỳ. Nuôi cá lồng bè trên sông Vàm Cỏ Đông giảm mạnh so với cùng kỳ do vấn đề ô nhiễm nguồn

nước chưa được các ngành chức năng giải quyết triệt để, khiến người dân còn e dè hơn trong việc nuôi cá theo mô hình này.

Sản lượng nuôi trồng trong tháng ước thực hiện 300,69 tấn, lũy kế từ đầu năm đến nay ước đạt 13.651 tấn giảm 0,17% so với cùng kỳ; sản lượng nuôi trồng đạt 10.390,48 tấn, giảm 0,32% so cùng kỳ. Tình hình khai thác thủy sản vẫn ổn định do khai thác tập trung chủ yếu trong hồ Dầu Tiếng và trên sông Vàm cỏ Đông, sản lượng trong tháng ước đạt 46,71 tấn, lũy kế ước thực hiện 3.260,91 tấn tăng 0,34% so cùng kỳ; Trong tháng đã hoàn thành việc thả cá giống vào hồ Dầu Tiếng với tổng số lượng là 831.900 con cá giống.

Sản xuất giống thủy sản đã đáp ứng nhu cầu nuôi trồng trong tỉnh, từ đầu năm đến nay sản xuất được 128,51 triệu con, giảm 31,83% so cùng kỳ, do nhu cầu tiêu thụ, diện tích nuôi giống bị thu hẹp nên sản lượng giống giảm, bên cạnh đó công ty chuyên sản xuất giống cá trê ở huyện Trảng Bàng thu hẹp quy mô nuôi do đầu ra gặp khó khăn.

2. Sản xuất công nghiệp:

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) trên địa bàn tỉnh ước thực hiện tháng 11/2018 tăng 5,96% so với tháng trước, tập trung ở một số ngành: Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo có chỉ số sản xuất tăng 6,14%, trong đó: sản xuất, chế biến thực phẩm tăng 17,97% chủ yếu do có nhà máy đường Thành Thành Công dự kiến đi vào hoạt động vào cuối tháng 11/2017, và một số nhà máy mì hoạt động bình thường trở lại sau thời gian bảo trì máy móc thiết bị; sản xuất giường, tủ, bàn ghế (+10,26%); sản xuất trang phục tăng 13,01%; công nghiệp dệt (1,62%); Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải cũng tăng 1,68% so với tháng trước.

Tính chung 11 tháng, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tăng¹ 15,61% so cùng kỳ năm 2017. Một số nhóm ngành có chỉ số tăng cao như: Nhóm ngành Công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 15,49%, trong đó: Công nghiệp dệt tăng 38,94%; sản xuất sản phẩm từ cao su và Plastic tăng 22,73%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 8,88%; sản xuất sản phẩm từ khoáng kim loại khác tăng 11,83% chủ yếu do Nhà máy xi măng Fico Tây Ninh tăng sản lượng...

Hầu hết các sản phẩm sản xuất chủ yếu của tỉnh đều có sản lượng sản xuất trong 11 tháng năm 2018 tăng khá so cùng kỳ, cụ thể: giày các loại tăng 9,15%; vỏ ruột xe các loại tăng 15,12%; Quần áo các loại tăng 10,85%; điện thương phẩm tăng 11,83%; nước máy sản xuất tăng 5,67%; sản lượng xi măng sản xuất tăng 11,83%, so cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó cũng có sản phẩm xấp xỉ bằng hoặc giảm so cùng kỳ như bột mì (+0,06%); đường các loại (-0,04%); Clanke Poolan giảm (-23,86%).

¹ 11 tháng năm 2017 tăng 15,49% so với cùng kỳ năm 2016.

Chỉ số phát triển công nghiệp một số ngành chủ yếu

Đơn vị tính: %		
	Tháng 11/2018 so với tháng 10/2018	11 tháng 2018 so với cùng kỳ
Tổng số	105,96	115,61
Chia theo ngành cấp 1		
1. Công nghiệp khai khoáng	100,14	93,07
2. Công nghiệp chế biến, chế tạo	106,14	115,49
3. SX và phân phối điện, khí đốt, nước nóng.....	99,47	112,40
4. Cung cấp nước, hệ quản lý và xử lý rác thải...	101,68	132,79
Một số ngành công nghiệp chủ yếu		
1. Sản xuất chế biến thực phẩm	117,97	101,50
2. Dệt	101,62	138,94
3. Sản xuất trang phục	113,01	106,77
4. Sản xuất da và sản phẩm có liên quan	105,93	108,88
5. Chế biến gỗ và các mặt hàng từ gỗ	92,49	140,17
6. Sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy	101,29	115,30
7. Sản phẩm từ cao su và plastic	101,88	122,73
8. Sản phẩm từ khoáng phi kim loại	107,72	111,83
9. Sản xuất và phân phối điện	99,47	112,40
10. Khai thác, xử lý và cung cấp nước	101,32	106,51

3. Vốn đầu tư phát triển:

Vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý ước tháng 11/2018 đạt 285,3 tỷ đồng, tăng 16,23% so tháng trước. Bao gồm vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh đạt 247,38 tỷ đồng (+15,98%); ngân sách cấp huyện đạt 37,89 tỷ đồng (+17,94%); ngân sách cấp xã tháng này không phát sinh khối lượng thực hiện.

Tính chung 11 tháng, vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý đạt 2.538,3 tỷ đồng, đạt 91,13% kế hoạch năm, tăng 25,03% so cùng kỳ năm trước. Trong đó, vốn ngân sách cấp tỉnh đạt 2.169,07 tỷ đồng tăng 27,68%; vốn ngân sách cấp huyện đạt 367 tỷ đồng, bằng 90,50% kế hoạch và tăng 11,49% so cùng kỳ; Riêng các công trình do cấp xã quản lý có nguồn vốn ngân sách đạt 1,9 tỷ đồng, chỉ bằng 86,86% kế hoạch và tăng 4,56% so với cùng kỳ năm 2017.

4. Giao thông vận tải:

Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải trong tháng 11/2018 ước đạt 228,35 tỷ đồng, tăng 1,77% so tháng trước, trong đó: Vận tải hành khách đạt 67,14 tỷ đồng, tăng 1,19%; vận tải hàng hóa đạt 156,07 tỷ đồng, tăng 2,01%

so với tháng trước. Cộng dồn 11 tháng năm 2018 doanh thu đạt 2.489 tỷ đồng, so với cùng kỳ tăng 8,13%, trong đó: doanh thu vận chuyển hành khách đạt 744,83 tỷ đồng tăng 8,41%, doanh thu vận chuyển hàng hóa đạt 1.697 tỷ đồng tăng 7,97% và doanh thu hoạt động kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 46,3 tỷ đồng tăng 2,46% so với 11 tháng năm 2017.

Vận tải hành khách tháng 11/2018 ước đạt 1.422 nghìn lượt khách, tăng 1,32% và luân chuyển được 124.426 nghìn lượt khách.km, cũng tăng 1,15% so tháng trước. Lũy kế 11 tháng, vận chuyển hành khách trên địa bàn đạt 16.800 nghìn lượt khách tăng 6,84%; luân chuyển hành khách đạt 1.202.588 nghìn lượt khách.km, tăng 7,47% so cùng kỳ. Nếu xét theo ngành vận tải thì sản lượng hành khách vận chuyển đường bộ là chủ yếu, và ngày càng tăng (+7,48%), chiếm tỷ trọng đến 99,97% khối lượng vận chuyển của ngành vận tải hành khách; Khối lượng đường thủy cũng giảm 12,75% so cùng kỳ năm 2017.

Vận tải hàng hóa trong tháng duy trì phát triển ổn định; khối lượng hàng hóa vận chuyển ước tháng 11 đạt 1.223 nghìn tấn, tăng 1,93% và luân chuyển được 92.305 nghìn tấn.km, tăng 1,92% so tháng trước; sản lượng vận tải hàng hóa trong tháng tăng chủ yếu do vận chuyển nông sản thu hoạch trong tháng này tăng. 11 tháng năm 2018, vận chuyển hàng hóa ước tính đạt 13.395 nghìn tấn, tăng 7,69% và luân chuyển được 1.008.276 nghìn tấn.km, tăng 7,87%. Vận tải hàng hóa của tỉnh phát triển tập trung ở vận tải đường bộ với khối lượng hàng hóa vận chuyển trong 11 tháng năm nay ước đạt 13.274 nghìn tấn, tăng 7,73%, luân chuyển 1.000.903 nghìn tấn.km, cũng tăng 7,9% so cùng kỳ năm trước.

5. Thương mại:

a) Hoạt động thương mại bán lẻ hàng hoá:

Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn tỉnh tháng 11/2018 ước đạt 5.216 tỷ đồng, tăng 2,75% so với tháng trước, trong đó, khu vực kinh tế nhà nước đạt 182,182 tỷ đồng, tăng 1,33%; kinh tế ngoài nhà nước đạt 5.034 tỷ đồng, cũng tăng 2,8% so tháng trước.

Lũy kế 11 tháng, tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 51.537 tỷ, tăng 10,31% so cùng kỳ năm trước. Trong đó tăng nhiều ở khu vực kinh tế nhà nước (+33,27%); tuy nhiên khu vực này chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ (3,75%), khu vực kinh tế ngoài nhà nước tăng 9,57%; Cụ thể, doanh thu một số nhóm hàng chủ yếu, như: nhóm lương thực, thực phẩm đạt 18.999 tỷ đồng, tăng 10,75%; nhóm xăng, dầu các loại đạt 7.139,9 tỷ đồng, tăng 14,33%; nhóm đá quý, kim loại quý và sản phẩm đạt 7.242 tỷ đồng, cũng tăng 8,97% so với cùng kỳ...

b) Hoạt động dịch vụ, lưu trú, ăn uống và du lịch lữ hành:

Doanh thu dịch vụ, lưu trú, ăn uống và du lịch lữ hành trên địa bàn tỉnh tháng 11/2018 ước đạt 1.442 tỷ đồng, tăng 4,88% so tháng trước, trong đó khu vực kinh tế nhà nước đạt 315,52 tỷ đồng tăng 14,42% (chủ yếu do phát hành vé xổ số tháng này tăng số kỳ phát hành) so với tháng trước, khu vực ngoài nhà nước

đạt 1.116,09 tỷ đồng tăng 2,43%, và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 6,4 tỷ đồng cũng tăng 5,96% so tháng trước.

Luỹ kế 11 tháng, doanh thu hoạt động dịch vụ, lưu trú, ăn uống và du lịch lữ hành đạt 14.369 tỷ đồng tăng 11,27% so cùng kỳ, trong đó doanh thu dịch vụ ăn uống đạt 8.328 tỷ đồng tăng 12,38%, dịch vụ lưu trú đạt 172,6 tỷ đồng tăng 9,5% và dịch vụ khác đạt 5.868 tỷ đồng tăng 9,79% so cùng kỳ.

6. Tình hình biến động giá tiêu dùng, giá vàng và Đô la Mỹ:

Tháng này giá xăng dầu các loại được điều chỉnh giảm khá nhiều, tuy vậy giá một số nhóm mặt hàng khác không giảm mà lại tăng khá cao, nhất là lương thực, thực phẩm đã góp phần làm cho chỉ số giá chung tăng lên. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 11/2018 tăng 0,22% so với tháng trước, tăng 4% so với tháng 12 năm trước, tăng 4,83% so với cùng tháng năm trước và tăng 4,29% so với bình quân cùng kỳ. Giá bán các mặt hàng, nhóm hàng trong tháng biến động, cụ thể như sau:

Nhóm lương thực tháng này tăng 1,03% so tháng trước gồm có gạo tẻ thường tăng 1,43%, gạo tẻ ngon tăng 0,08% do năm nay nước lớn, vụ mùa bị thất, năng suất lúa giảm do ngập lụt và sâu bệnh nhiều khiến giá lúa gạo tăng lên;

Chỉ số nhóm thực phẩm tháng này tăng 0,91% so tháng trước do, cụ thể: Nhóm thịt gia súc tươi sống thì tăng 1,55% cụ thể là do thịt heo tăng 1,83% do số lượng heo trong thời gian vừa qua bán ra tương đối nhiều nên đàn heo giảm đáng kể cộng với việc nhiều hộ nuôi heo bị thua lỗ thời gian dài đã phải ngưng nuôi khiến cho lượng heo xuất bán giảm đẩy giá thành tăng lên; thịt bò cũng tăng 0,62%, ngược lại thịt gà giảm 0,06% do nguồn cung dư thừa; Cá tươi tăng 2,54%, tôm tươi tăng 0,26%, thủy hải sản tươi sống khác tăng 3% do tháng này xuất hiện một vài cơn bão gây áp thấp nhiệt đới nên ngư dân khó có thể đánh bắt xa bờ nhiều làm sụt giảm nguồn cung đẩy giá đi lên;

Nhóm rau tươi các loại tăng 0,86% so với tháng trước như: rau dạng củ quả tăng 0,68%, rau tươi khác tăng 0,34%, rau muống tăng 0,46%, bắp cải tăng 5,92%, khoai tây tăng 1,99%. Bên cạnh đó nhóm quả tươi, chế biến cũng tăng 1,49% như quả có múi tăng 2,63%, chuối tăng 0,43%, táo tăng 0,81%, quả tươi khác tăng 1,46%; Nguyên nhân do trong tháng có ngày rằm tháng 10 nên người dân có xu hướng mua nhiều để cúng Rằm đã đẩy giá các loại trái cây tăng lên;

Nhóm đường mật giảm 0,8% do giá đường giảm xuống chỉ còn 99,13% so tháng trước nguyên nhân do nguồn cung quá lớn, đường tồn kho còn nhiều;

Chỉ số giá các mặt hàng, nhóm hàng phi lương thực, thực phẩm biến động cụ thể như sau:

Nhóm giao thông giảm 2,1% so với tháng trước trong đó giá xăng dầu diezen giảm 4,19% do trong tháng giá xăng dầu được điều chỉnh giảm khá nhiều. Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và VLXD tăng 1,62% so tháng trước do giá nhà ở thuê tăng 5,11%, vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 0,86% cụ thể là thép tăng 3,67% do các công trình xây dựng đang được gấp rút hoàn thành trước năm mới. Bên cạnh đó giá gas tháng này giảm 10,65% do tháng này giá gas giảm mạnh đến 40.000 đồng/bình 12kg, chỉ số than, củi không tăng và giữ ổn định so tháng trước;

Giá vàng và Đô la Mỹ: Do ảnh hưởng của giá vàng, giá Đô la Mỹ trên thị trường thế giới, giá vàng bình quân tháng 11/2018 là 3.422.000 đồng/chỉ

(+0,85%); giá Đô la Mỹ tháng này là 23.400,28 đ/USD (- 0,09%) so với tháng 10/2018.

7. Thu chi ngân sách:

a) Thu ngân sách:

Ước tổng thu ngân sách trên địa bàn tháng 11/2018 đạt 560 tỷ đồng, cộng dồn 11 tháng 6.929 tỷ đồng, đạt 100,28% dự toán năm, và tăng 12,50% so cùng kỳ. Trong đó, thu nội địa 6.260 tỷ đồng, đạt 99,27% dự toán, tăng 13,98% so cùng kỳ năm trước.

Nhìn chung, thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh 11 tháng đạt khá cao so cùng kỳ với dự toán năm 2018. Trong đó có một số khoản đạt khá như: Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 419 tỷ, tăng 12,53% so cùng kỳ, và bằng 85,58% so dự toán; thu từ khu vực ngoài quốc doanh đạt 1.350 tỷ đạt vượt 9,53% dự toán, tăng 28,83%; thuế thu nhập cá nhân ước đạt 596 tỷ và cũng tăng 25,96%; thu từ hoạt động xổ số đạt 1.459 tỷ vượt dự toán 0,69% và cũng tăng 0,99% so cùng kỳ. Cũng có một số khoản thu đạt thấp như thu từ doanh nghiệp Nhà nước đạt 73,84% dự toán năm và giảm 5,82% so cùng kỳ, thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản chỉ bằng 39,3% so cùng kỳ.

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

	Năm 2018 (tỷ đồng)		% thực hiện 11 tháng năm 2018 so với	
	Dự toán	Ước TH 11 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2017
Tổng thu	6.907	6.926	100,28	12,50
I. Thu nội địa	6.307	6.260	99,27	113,98
Trong đó:				
1. Doanh nghiệp nhà nước	660	487	73,84	94,18
2. DN có vốn đầu tư nước ngoài	490	419	85,58	112,53
3. Khu vực CTN và DV ngoài nhà nước	1.233	1.350	109,53	128,83
4. Hoạt động xổ số	1.450	1.459	100,69	100,99
II. Thu từ hoạt động XNK	600	665	110,91	100,27

b) Chi ngân sách:

Chi ngân sách ước tháng 11/2018 đạt 955 tỷ đồng, nâng mức chi 11 tháng đạt 7.247 tỷ đồng, bằng 85,81% dự toán, tăng 27,02% so cùng kỳ năm trước. Trong đó: Chi thường xuyên đạt 4.013 tỷ đồng, bằng 83,72% dự toán và tăng 6,37% so cùng kỳ; Chi đầu tư phát triển 2.161 tỷ đồng, đạt 97,66% so dự toán, tăng 27,46% so cùng kỳ; chi chương trình mục tiêu quốc gia đạt 1.082 tỷ đồng bằng 86,21% dự toán năm 2017, tăng 313,03% so cùng kỳ năm trước.

Chi ngân sách nhà nước địa phương

	Năm 2018		% thực hiện 11 tháng	
	(tỷ đồng)		năm 2018 so với	
	Dự toán	Ước TH 11 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2017
Tổng chi	8.445	7.247	85,81	127,02
I. Chi cân đối NSDP	7.190	6.165	85,74	113,26
Trong đó:				
1. Chi đầu tư phát triển	2.137	2.126	97,66	127,46
2. Chi thường xuyên	4.793	4.013	83,72	106,37
Trong đó:				
+ Sự nghiệp kinh tế	649	526	81,06	119,83
+ Sự nghiệp giáo dục đào tạo dạy nghề	2.006	1.608	80,17	104,11
+ Sự nghiệp y tế	399	327	81,88	93,41
+ Quản lý hành chính	882	812	92,11	110,17
II. Chi chương trình MTQG	1.255	1.082	86,21	413,03

8. Hoạt động ngân hàng:

Hoạt động của hệ thống ngân hàng trong tháng tương đối ổn định và phát triển. Tổng nguồn vốn huy động trên địa bàn tỉnh đến cuối tháng 11 ước đạt 42.164 tỷ đồng, so với tháng trước tăng 3,57%, và tăng 12,38% so đầu năm. Trong đó vốn huy động ngắn hạn (dưới 12 tháng) là chủ yếu đạt 28.374 tỷ đồng (*Chiếm 67,30%*) tăng 14,36% so đầu năm; Vốn huy động trung và dài hạn đạt 13.789 tỷ đồng cũng tăng 8,51% so đầu năm.

Hoạt động cho vay: Tổng dư nợ tín dụng đến cuối tháng 11 ước đạt 48.105 tỷ đồng, tăng 2,48% so tháng trước và tăng 15,47% so đầu năm. Dư nợ cho vay ngắn hạn đạt 30.925 tỷ đồng, chiếm 64,28% tổng số và tăng 14,73% so với đầu năm. Nợ xấu 252 tỷ đồng tăng 1,52% so với tháng trước, và chiếm 0,52% so với tổng dư nợ.

9. Tình hình văn xã:

a) Lao động, giải quyết việc làm:

Trong tháng 11/2018, các hoạt động hỗ trợ tạo việc làm cho người lao động: tư vấn việc làm và học nghề cho 2.316 lượt lao động (*lũy kế 21.211 lượt lao động*); giới thiệu cung ứng lao động trong nước 299 lao động (*lũy kế 2.208 lao động*); các tổ chức đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng giải quyết được 07 lao động (*lũy kế 457 lao động*); tổ chức 02 phiên giao dịch việc làm với 10

doanh nghiệp và 200 người lao động tham gia (*lũy kế tổ chức 11 phiên giao dịch việc làm với 78 doanh nghiệp và 4.830 người lao động tham gia*).

Trong tháng cấp mới và cấp lại giấy phép lao động cho 200 lao động là người nước ngoài làm việc tại tỉnh. Lũy kế từ đầu năm, cấp mới và cấp lại cho 1.986 lao động, đến nay tỉnh đã chấp thuận cho 252 doanh nghiệp tuyển dụng 3.639 lao động là người nước ngoài.

Công tác dạy nghề: Trong tháng các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tiếp tục tuyển sinh được 986 người (CĐ: 0, TC: 240, sơ cấp: 373, đào tạo thường xuyên và dưới 3 tháng: 373); Số sinh viên, học viên tốt nghiệp trong tháng là 348 người (*Trung cấp: 7 người, Sơ cấp 281 người, dưới 3 tháng 60 người*); Số học viên sau khi tốt nghiệp ra trường có việc làm trong tháng: 281/348 đạt tỷ lệ 80,74%. Đào tạo nghề lao động nông thôn: mở được 20 lớp/570 học viên, lũy kế đến nay, các địa phương đã tổ chức mở được 130 lớp/4.097 học viên đạt 88,95%.

Về đình công, lãn công: trong tháng không xảy ra vụ đình công nào.

b) Hoạt động y tế:

Trong tháng số ca mắc mới bệnh tay chân miệng trong tháng là 707 ca tăng 59,59% so với tháng trước (443 ca) và tăng 94,77% so với cùng kỳ năm 2017 (363 ca). Huyện có số ca mắc mới trong tháng: Trảng Bàng 131 ca; Gò Dầu 130 ca; Hòa Thành 44 ca; Châu Thành 67 ca; Thành phố 37 ca; Tân Châu 90 ca; Dương Minh Châu: 66 ca, Bến Cầu 70 ca; Tân Biên 72 ca. Tổng số ca cộng dồn đến nay là 1.938 ca tăng 3,19% (+60 ca) so với cùng kỳ năm 2017 thì tăng 60 ca (tăng 3.2%). Trong tháng không có ca tử vong; Số ca tử vong từ đầu năm đến nay là 02 ca tăng 2 ca (*năm 2017 không có ca tử vong*).

Trong tháng số ca mắc SD/SXHD là 412 ca tăng 53,16% so với tháng trước (269 ca) và tăng 255,17% so với cùng kỳ năm 2017 (116 ca). Huyện có số ca mắc mới trong tháng là: Tân Biên 80 ca; Tân Châu 53 ca; Châu Thành 61 ca; Thành phố 52 ca; Dương Minh Châu 51 ca; Gò Dầu 32 ca ; Trảng Bàng 27 ca; Hòa Thành 30 ca; Bến Cầu 26 ca. Tổng số mắc SXH cộng dồn đến nay 1.792 ca tăng 9,54% so với cùng kỳ năm 2017 (1.636 ca). Trong tháng không có ca tử vong.

Bệnh HIV/AIDS: Số HIV mới phát hiện trong tháng là: 41 ca giảm 41,38% so với tháng trước (29 ca) và tăng 10,81% so với cùng kỳ (37 ca). Lũy tích HIV là 4.942 ca, trong đó nữ: 1.628 ca. Lũy tích AIDS là 3.631 ca, trong đó nữ: 1.149 ca. Tử vong AIDS mới trong tháng là: 03 ca, Lũy tích tử vong AIDS là 1.557 ca. Số bệnh nhân điều trị ARV mới trong tháng là 32 ca, lũy tích bệnh nhân điều trị ARV là 1.955 ca, trong đó nữ: 813 ca.

Chương trình vệ sinh an toàn thực phẩm: trong kỳ, đã tiến hành kiểm tra 293 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống ... , kết quả có 235 cơ sở đạt tiêu chuẩn vệ sinh (đạt tỷ lệ 80,2%). Trong tháng đã cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm: 58 giấy và cấp giấy chứng nhận đủ tiêu chuẩn sản phẩm: 16 cơ sở.

Tình hình ngộ độc thực phẩm: trong tháng không xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm nào.

c) An toàn giao thông:

Trong tháng 11/2018 (từ ngày 16/10/2018-15/11/2018) trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 14 vụ² tai nạn giao thông đường bộ, làm chết 03 người và bị thương 13 người. So với tháng cùng kỳ năm 2017 giảm 03 vụ, số người chết giảm 03 người và số người bị thương không giảm. Cộng dồn 11 tháng năm 2018 đã xảy ra 210 vụ tai nạn giao thông, làm chết 81 người, và 171 người bị thương, so với cùng kỳ năm trước đều tăng về cả 03 tiêu chí: số vụ tăng (+47), số người chết tăng (+18) và số người bị thương cũng tăng (+17). Nguyên nhân chủ yếu của các vụ tai nạn là do người điều khiển xe đi không đúng phần đường, chuyển hướng tránh vượt thiếu quan sát, và đặc biệt là tình trạng sử dụng rượu bia khi tham gia giao thông.

d) Hoạt động văn hoá thể thao

Trong tháng 11/2018, Ngành đã tổ chức tốt các hoạt động thông tin cổ động, tuyên truyền, trưng bày triển lãm, văn nghệ, sách báo, phim ảnh và biểu diễn nghệ thuật phục vụ Nhân dân³. Thông qua đó tuyên truyền thực hiện các nhiệm vụ chính trị, phục vụ kỷ niệm các ngày lễ lớn trong tháng. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền biển đảo, xây dựng Nông thôn mới, an toàn giao thông, Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”.

Trong tháng thực hiện 04 tấm băng rôn, 28 tấm băng rol, 700 tấm phướn, 300 lá cờ các loại. Qua đó, thực hiện tuyên truyền các nhiệm vụ chính trị, phục vụ kỷ niệm các ngày lễ lớn trong tháng.

Hoạt động thư viện: Trưng bày tài liệu tuyên truyền, giới thiệu và phổ biến pháp luật: 261 tài liệu; tuyên truyền phục vụ ngày lễ trong tháng: 492 tài liệu. Tổng số sách hiện có 245.349 bản/70.018 tên sách. Phục vụ bạn đọc với tổng số lượt bạn đọc 3.311 lượt. Tổng số lượt tài liệu phục vụ 18.135 lượt tài liệu. Cấp mới 246 thẻ bạn đọc. Tổ chức luân chuyển 16 tủ sách Biên phòng với 3.100 bản sách các loại.

Công tác quản lý, thanh kiểm tra chấn chỉnh các hoạt động văn hoá, thể thao, du lịch trên phạm vi toàn tỉnh được tăng cường. Trong tháng, Đội kiểm tra liên ngành văn hóa-xã hội các cấp tổ chức kiểm tra 09 cuộc với 20 lượt cơ sở. Ban hành 07 quyết định xử phạt hành chính với số tiền 62,5 triệu đồng.

Công tác đào tạo-huấn luyện-thi đấu thể thao: triển khai thực hiện tốt công tác đào tạo huấn luyện theo chỉ tiêu, kế hoạch năm. Số lượng vận động viên các môn đang đào tạo từ ngày 01/01/2018 – 09/11/2018: 181 VĐV (tuyển 41 VĐV, trẻ 115 VĐV, năng khiếu 25 VĐV). Tham dự 11 giải thi đấu toàn quốc, cúp các câu lạc bộ. Tổng số huy chương các đội thể thao thi đấu giải từ ngày 01/01/2018 – 09/11/2018 đạt 242 huy chương các loại (52 HCV – 71 HCB - 119 HCD) .

² Tháng 10.2018 xảy ra 12 vụ tai nạn giao thông, làm chết 04 người và bị thương 09 người.

³ Kỷ niệm 74 năm Giải phóng Thủ đô (10/10/1954-10/10/2018); kỷ niệm 62 năm Ngày truyền thống Hội Thanh niên Việt Nam (15/10/1956-15/10/2018); 88 năm Ngày thành lập Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam (20/10/1930-20/10/2018)

Công tác tổ chức thi đấu thể thao: Phối hợp Công ty Hải Đăng và Liên đoàn Quần vợt Tây Ninh tổ chức Giải Quần vợt quốc tế Men Futures, tổ chức giao lưu Bóng đá giữa U17 Tây Ninh và Đội bóng phong trào lực lượng vũ trang Quân khu 7; tham mưu tổ chức giao lưu Bóng đá giữa 02 tỉnh Tây Ninh và Kongpongcham – Campuchia. Tổ chức Giải vô địch Vovinam cụm miền Đông Nam bộ năm 2018.

e) Thiệt hại thiên tai:

Trong tháng, không có vụ thiên tai nào xảy ra trên địa bàn tỉnh...

f) Tình hình cháy, nổ; bảo vệ môi trường:

Trong tháng 11/2018 (từ ngày 16/10/2018 đến 15/11/2018), trên địa bàn tỉnh xảy ra 02 vụ cháy, không gây thiệt hại về người, nhưng tổng giá trị thiệt hại ước tính khoảng 1.740 triệu đồng.

Về vi phạm môi trường theo báo cáo của ngành chức năng, trong tháng không phát hiện phát hiện trường hợp vi phạm môi trường nào.

